TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do –Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HSST
Ngày 14 tháng 01 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Đỗ Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử công khai sơ thẩm vụ hình sự thụ lý số 73/2019/HSST ngày 15/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXX-ST ngày 17/12 /2019 và Quyết định hoàn phiên tòa số 24 ngày 24/12/2019 đối với các bị cáo:

1. Đào Xuân L - Sinh năm 1975

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn ĐQ, xã AN, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Đào Công G và bà Hoàng Thị D (đã chết) chức vụ trước khi phạm tội: là đảng viên Đảng cộng sảng Việt Nam; Vợ Hà Thị Nh và 2 con nhỏ; Tiền án, tiền sự: không, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2019 đến ngày 26/4/2019, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Thị Nh, sinh năm 1980

Nơi sinh: Xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn ĐQ, xã AN, huyện TS, tỉnh, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Hà Công Ch và bà Hà Thị Ngh; Chồng Đào Xuân L và 2 con; Tiền án, tiền sự: không, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đới Thị K, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn XH, xã XK, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn X, xã NT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa

3. Ông Lê Quang L, sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn N, xã VS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
4. Ông Vũ Trọng Ph, sinh năm 1976
Địa chỉ: Phố TVD, thị trấn TS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
5. Ông Lê Thanh T, sinh năm 1960
Địa chỉ: Thôn N, xã VS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
6. Ông Bùi Duy Nh, sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn TB, xã TH, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
7. Ông Hoàng Duy V, sinh năm 1964
Địa chỉ: Thôn TN, xã TH, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
8. Anh Trần Anh T, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn B, xã TP, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
9. Anh Lê Quang Tuấn A, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn X, xã VS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
10. Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn N, xã NT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
11. Ông Lê Kim Th, sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn K, xã VS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
1**2.** Anh Lê Quang Th, sinh năm 2001
Địa chỉ: Thôn N, xã TP, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
13. Ông Lê Văn T, sinh năm 1975
Địa chỉ: Thôn N, xã TP, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
14. Bà Lê Thị B, sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn ĐT, xã AN, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
15. Anh Đô Văn T, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã AN, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
16. Anh Hà Xuân T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn N, xã Minh Châu (nay là thị trấn TS), huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.
17. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985
18. Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1986
19. Anh Nguyễn Tài B, sinh năm 1984
Đều công tác tại: Tiểu đoàn X, Trung đoàn N, sư đoàn 324
20. Anh Vũ Trọng S, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn TS, xã TH, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
21. Anh Lê Trọng T, sinh năm 2002
Địa chỉ: Thôn M, xã VS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
22. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn TL, xã TH, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
23. Anh Đào Công D, sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn X, xã VS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
24. Chị Đặng Thị Lan H, sinh năm 1980
Địa chỉ: Xóm B, xã MC (nay là thị trấn TS), huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

25. Anh Hoàng Trọng N sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn ĐH, xã XK, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa.
26. Bà Hà Thị H, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Thôn x, xã HT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
27. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn X, xã HT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
Bà K có mặt, anh T, anh B, có đơn xin xử án vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ khác đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do.
Người làm chứng:
1. Chị Trương Thị Ngh, sinh năm 1984;
Địa chỉ, thôn ĐH, xã XK, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa.
2. Anh Hàn Anh S, sinh năm 1980
Địa chỉ, số N, THĐ, phường NN, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
3. Anh Lê Minh H, sinh năm 1984;
Địa chỉ, phố G, thị trấn TS, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/7/2018, chị Đới Thị K thông qua người quen giới thiệu nên đến nhà Đào Xuân L vay số tiền 150.000.00đ, thỏa thuận trả lãi 3.000đ 1 triệu trên 1 ngày, thời hạn vay 03 tháng, trả lãi hàng tháng, L đã cắt lãi trước 1 tháng = 13.500.000đ, và đưa cho chị Kim 136.500.000đ, chị Kim để lại cho L 1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt giấy chứng nhận QSDĐ) số CL 594572 mang tên Hoàng Trọng N và 1 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên để thế chấp. đến hạn trả lãi tháng thứ hai chị K chưa có tiền trả nên điện thoại cho L khất hết hạn vay sẽ trả cả gốc và lãi, L đồng ý, ngày 11/10/2018 chị Kim đến nhà L trả cho L số tiền 180.000.000đ cả gốc và lãi, vợ chồng L không đồng ý mà buộc chị K phải trả lãi mức 6.000đ 1 triệu 1 ngày, kể từ ngày 06/8/2018 với tổng gốc và lãi là 210.000.000đ, hai bên không thống nhất được, tháng 11/2018 L đến UBND huyện Như Thanh làm thủ tục sang tên thửa đất số CL 594572 mang tên Hoàng Trọng N, buộc chị K phải chấp nhận trả cho L mức 6.000đ 1 triệu 1 ngày để lấy lại giấy chứng nhận QSDĐ trả cho anh N và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 14/01/2019 chị K đến quán Cafe Tâm Tình ở phố Giắt thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn gặp bị cáo L và bị cáo Nh để thanh toán số tiền 292.000.000đ, trong đó gốc 150.000.000đ, lãi 142.000.000đ, tính từ ngày 06/7/2018 đến ngày 13/01/2019, chị K xin giảm tiền lãi các bị cáo đồng ý và giảm cho chị K 22.000.000đồng, chị K vừa thanh toán số tiền 270.000.000 đồng cho các bị cáo và nhận lại giấy chứng quyền sử dụng đất xong thì tổ tuần tra Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa tiến hành kiểm tra, bắt giữ người và thu giữ số tiền 270.000.000 đồng; một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Hoàng Trọng N và Đào Xuân L; một giấy chứng nhận quyền sử

dựng đất số CL594572 mang tên Hoàng Trọng N ở xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa; 01 ĐTDĐ Samsung A7 màu đen có số Imei: 356825071392955; 01 ĐTDĐ Oppo màu vàng, đều đã qua sử dụng. Cùng ngày, phòng PC02 Công an tỉnh Thanh Hóa tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của vợ chồng L thu giữ: 07 giấy tờ vay tiền, 01 tờ giấy hẹn trả nợ, 02 giấy mượn xe, 03 hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sở hữu ôtô, 08 tờ giấy có nội dung vay tiền, 01 quyển sổ bìa màu đỏ bên ngoài có chữ A4 Grand; 01 quyển sổ màu vàng, bên ngoài có chữ sổ kế toán tổng hợp, bên trong có ghi chữ và số có nội dung vay tiền, 01 hộp mực dấu đỏ.

Quá trình điều tra, bị cáo Nh giao nộp: 01 xe máy Honda Vision màu xanh biển kiểm soát 36B5-142.22, 01 điện thoại di động Viettel màu đỏ, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng, 01 điện thoại di động Vivo màu trắng hồng, 01 điện thoại Samsung màu đen, đều qua sử dụng; 01 thẻ hạ sĩ quan binh sĩ tại ngũ số 219501705244, mang tên Lưu Đức; 01 CCCD số 038067000141 tên Vũ Trọng Năm ở xã Minh Châu, Triệu Sơn; 01 CCCD số 038079006725 tên Hoàng Văn Thông ở xã Minh Châu, Triệu Sơn; 01 CCCD số 038202003694 tên Lê Trọng Tùng ở xã Vân Sơn, Triệu Sơn; 01 CMND số không rõ số tên Lê Hữu Cảnh, SN 20/10/1979 ở xã An Nông, huyện Triệu Sơn; 01 CMND số 174240958, tên Lê Thị Hiền, SN 1988 ở An Nông, Triệu Sơn; 01 CMND số 175001185 tên Lê Kim Cương, SN 1987 ở Vân Sơn, Triệu Sơn, 01 CMND số 174240909 tên Mai Văn Tuấn, SN 1992 ở An Nông, Triệu Sơn; 01 CMND số 17500716 tên Dương Công Quân, SN 1988 ở Minh Châu, Triệu Sơn; 01 CMND số 192934403 tên Nguyễn Ngọc Cầu, SN 1989 ở Thọ Bình, Triệu Sơn; 01 CMND số 173548221 tên Lê Thị Mùa, SN 1960 ở Vân Sơn, Triệu Sơn; 01 CMND số không rõ số, tên Lê Quang Thắng, SN 1984 ở Vân Sơn, Triệu Sơn; 01 CMND số không rõ số, tên Nguyễn Xuân Hòa, SN 1978 ở xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn; 01 CMND số 171468927 tên Lê Ích Sáng, SN 1956 ở An Nông, Triệu Sơn; 01 CMND số 171702773 tên Lê Kim Tụ, SN 1977 ở Vân Sơn, Triệu Sơn; 01 CMND số 171899959 tên Lê Quang Tuấn, SN 1980 ở Vân Sơn, Triệu Sơn; 01 số CMND số không rõ, tên Vũ Trọng Sơn, SN 1991 ở Thái Hòa Triệu Sơn; 01 CMND số không rõ, tên Đào Huy Võ, SN 1993 ở Nông Trường, Triệu Sơn; 01 CCCD số 038184010033, tên Lê Thị Hương ở Minh Châu, Triệu Sơn; 01 GPLX số AF596752, tên Tô văn Mạnh, SN 1990 ở thị trấn Triệu Sơn; 01 GPLX số AF 667719, tên Lê Văn Dũng SN 1985 ở xã An Nông, Triệu Sơn; 01 đăng ký moto, xe máy số 091617, BKS 36B2-342.02, tên Thiều Thị Thanh , ở Nông Trường, Triệu Sơn; 01 đăng ký moto, xe máy số 0024987, BKS 36H3-1663 tên Lê Thị Phương ở NÔNg Trường, Triệu Sơn; 01 Đăng ký moto, xe máy số 360778 BKS 36AA-15987 tên Lê thị Vân ở Vân Sơn, Triệu Sơn; 01 đăng ký moto, xe máy số 180377 BKS 36B5-08150 tên Lê Duy Thanh ở Vân sơn Triệu Sơn; 01 đăng ký moto, xe máy số 266163 BKS 36MD-35752 tên

Đào Công Dương ở An Nông triệu Sơn; 01 đăng ký oto số 053917 BKS 36C-11296 mang tên Hà Minh Dũng ở Minh Châu, Triệu Sơn và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ôto số 053917 BKS 36C-11296

Anh Hàn Anh S giao nộp 01 đĩa vi tính (CD-R) mặt sau có chữ ký của người giao nộp bên trong có một file video tên "NQZY3150" dung lượng 54,593kb độ dài 5 phút 46 giây. Chị Đới Thị K giao nộp một đĩa vi tính DVD-R màu trắng bên trong có chứa một đoạn ghi âm lưu tên " VOICE009" dung lượng 29,347kb độ dài 30 phút 56 giây, anh Lê Đình T giao nộp một quyển sổ ghi chép gồm trang bìa và một tờ có ghi nội dung vay tiền có chữ ký xác nhận của người giao nộp.

Điều tra mở rộng, Cơ quan Cảnh sat Điều tra huyện Triệu Sơn xác định từ tháng 8/2015 đến tháng 1/2019 ngoài cho chị K vay tiền với lãi suất cao các bị cáo còn cho nhiều người khác vay tiền với lãi suất cao cụ thể.

1, Cho anh Hoàng Văn L vay 9.500.000đ trong thời gian từ ngày 27/3 đến ngày 25/12/2016 (số ngày vay 270 ngày) số lãi đã thu là 13.500.000đ, trong đó số tiền lãi thu lới bất chính là 12.094.512đ (anh L chưa trả gốc cho các bị cáo)

2. Cho anh Lê Quang L vay 5.000.000đ trong thời gian từ ngày 1/5 đến ngày 05/9/2017 (Số ngày vay là 127 ngày) số lãi đã thu 3.000.000đ, trong đó số lãi thu lời bất chính là 2.652055đ, anh L đã trả hết gốc và lãi cho các bị cáo.

3. Cho Anh Lê Thanh T vay 35.000.000đ, từ ngày 27/9 đến 30/10/2017(số ngày vay là 33 ngày) số lãi đã thu 4.000.000đ, trong đó số lãi thu lời bất chính là 3.367.123đ, anh T đã trả hết gốc và lãi cho các bị cáo

4. Cho anh Vũ Trọng Ph vay 13.650.000đ từ ngày 23/4/ đến 09/12/2017, (số ngày vay 230 ngày) số lãi đã thu 10.350.000đ, trong đó số tiền lãi thu lời bất chính là 8.629.726đ

5. Cho anh Hoàng Duy V vay 7.000.000đ từ ngày 17/9 đến 17/11/2017 (Số ngày vày là 61 ngày) số lãi đã thu 1.260.000đ trong đó số tiền lãi thu lời bất chính là 1.260.000đ.

6. Cho anh Bùi Duy Nh vay 3 lần.

- Lần 1 vay 13.000.000đ, từ ngày 21/7//2017 đến ngày 22/7/2017 (Số ngày vay là 02 ngày) số lãi đã thu 100.000đ trong đó số tiền lãi thu lời bất chính là 85.754đ,

- Lần 2 vay 20.000.000đ, từ ngày 15/11/2017 đến 20/11/2017 (số ngày vay 05 ngày) số lãi đã thu 54.794, trong đó lãi thu lời bất chính là 445.206đ, (hai khoản vay này anh Nh đã trã gốc và lãi cho các bị cáo)

- Lần 3 vay 27.000.000đ từ ngày 16/12/2016 đến 30/9/2017 (số ngày vay 284 ngày) số lãi đã thu 23.004.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 18.802.336đ

7. Cho anh Trần Tuấn A vay 15.000.000đ từ ngày 28/4/đến 28/10/2016 (số ngày vay 180 ngày) số lãi đã thu 8.100.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 6.620.548đ.

8.Cho anh Lê Quang Tuấn A vay 5 lần:

- Lần 1 cho vay 45.000.000đ từ ngày 06/8 đến 06/9/2015 số lãi đã thu 4.500.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 3.752.055đ.

- Lần 2 cho vay 145.500.000đ, từ ngày 28/8 đến 08/10/2015 (Số ngày vay 10 ngày) số lãi đã thu 4.500.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 3.072.740,

- Lần 3 cho vay 100.000.000đ, từ ngày 06/9 đến 13/9/2015 (số ngày vay 7 ngày) số lãi đã thu 2.100.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 1.716.438đ,

- Lần 4 cho vay 436.500.000đ, từ ngày 20/9/đến 30/9/2015 (Số ngày vay 10 ngày) số lãi đã thu 13.500.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 11.034.247đ,

- Lần 5 cho vay 50.000.000đ, từ ngày 24/10 đến 01/11/2015 (Số ngày vay 10 ngày) số lãi đã thu 1.500.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 1.226.027đ, các khoản vay này anh TA đã thanh toán các bị cáo.

9. Cho anh Phạm Thanh H vay 26.400.000đ, từ ngày 26/01/2017 đến 25/15/2017 (Số ngày vay 120 ngày) số lãi đã thu 11.600.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 9.864.110đ, anh H đã thanh toán cho các bị cáo.

10. Cho anh Lê Kim Th vay 3.000.000đ, từ ngày 22/8 đến 02/9/2017 (Số ngày vay 10 ngày) số lãi đã thu 200.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 183.562đ
anh Thiết đã thanh toán cho bị cáo

11. Cho anh Lê Văn T vay 05 lần,

- Lần 1 cho vay 30.000.000đ, từ ngày 24/3 đến ngày 01/4/2016 (Số ngày vay 08 ngày) số lãi đã thu 720.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 588.493đ,

- Lần 2 cho vay 31.000.000đ, từ ngày 19/5 đến ngày 14/6/2016 (số ngày vay 26 ngày) số lãi đã thu 4.000.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 3.558.356đ,

- Lần 3 cho vay 50.000.000đ, từ ngày 15/7/đến ngày 15/8/2016, (số ngày vay 30 ngày) số lãi đã thu 4.500.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 3.678.082đ,

- Lần 4 cho vay 50.000.000đ, từ ngày 10/10/đến ngày 15/102016, (số ngày vay 05 ngày) số lãi đã thu 750.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 613.014đ,

-Lần 5 cho vay 15.000.000đ, từ ngày 14/4/đến ngày 15/5/2017, (số ngày vay 30 ngày) số lãi đã thu 1.350.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 1.103.425đ, các khoản nợ này anh T đã thanh toán cho bị cáo

12. Cho bà Lê Thị B vay 27.300.000đ, từ ngày 11/02 đến ngày 11/3/2017 (số ngày vay 30 ngày),số lãi đã thu 2.700.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 2.251.233đ. khoản nợ này bà Bình đã thanh toán cho các bị cáo.

13. Cho anh Đô Văn T vay 4 lần

- Lần 1 cho vay 4.250.000đ, từ ngày 16/4/đến ngày 16/5/2016, (số ngày vay 30 ngày) số lãi đã thu 750.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 680.137đ

- Lần 2 cho vay 1.700.000đ, từ ngày 19/4/đến ngày 19/5/2016, (số ngày vay 30 ngày) số lãi đã thu 300.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 272.055đ

- Lần 3 cho vay 4.250.000đ, từ ngày 20/4/đến ngày 20/5/2016, (số ngày vay 30 ngày) số lãi đã thu 750.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 680.137đ

- Lần 4 cho vay 7.750.000đ, từ ngày 01/5/đến ngày 31/5/2016, (số ngày vay 30 ngày) số lãi đã thu 1.250.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 1.222.603đ, các khoản nợ này anh Tiến đã thanh toán cho các bị cáo.

14. Cho anh Hà Xuân T vay 2.000.000đ, từ ngày 13/3/đến ngày 13/4/2016, (số ngày vay 30 ngày) số lãi đã thu 300.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 234.247đ, khoản nợ này anh T đã thanh toán cho bị cáo.

15. Cho anh Nguyễn Thanh T vay 3 lần

- Lần 1 vay 18.000.000đ, từ ngày 07/12/2016 đến ngày 07/9/2017 (số ngày vay 270 ngày) số lãi đã thu 16.200.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 13.507.379đ

- Lần 2 vay 44.000.000đ, từ ngày 25/10/2017 đến ngày 25/02/2018, (số ngày vay 120 ngày) số lãi đã thu24.000.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 21.106.849đ

- Lần 3 vay 24.500.000đ, từ ngày 11/11/2017 /đến ngày 01/02/2018, (số ngày vay 90 ngày) số lãi đã thu 13.500.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 12.291.781đ Các khoản nợ này anh T đã thanh toán cho bị cáo

16. Cho anh Nguyễn Quốc V vay 3 lần

- Lần 1 cho vay 18.200.000đ, từ ngày 13/10 đến ngày 12/11/2017, (số ngày vay 30 ngày) số lãi đã thu 1.800.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 1.500.822đ

- Lần 2 cho vay 22.000.000đ, từ ngày 31/10 đến ngày 30 /11/2017 (số ngày vay là 30 ngày) số lãi đã thu 3.000.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 2.638.356đ

- Lần 3 cho vay 17.000.000đ từ ngày 13/11 đến ngày 13/12/2017 (số ngày vay 30 ngày) , số lãi đã thu 3.000.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính là 2.720.548đ, các khoản vay này anh Vụ đã thanh toán cho các bị cáo.

17. Cho anh Nguyễn Tài B, vay 13.650.000đ, từ ngày 10/11/2016 đến ngày 10/4/2017 (Số ngày vay 150 ngày), đã thu tiền lãi 6.750.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính 5.640.411đ, anh B đã thanh toán cho các bị cáo.

18. Cho anh Vũ Trọng S vay 28.000.000đ, từ ngày 25/12/2017 đến ngày 24/01/2018 (Số ngày vay 30 ngày) số lãi đã thu 12.000.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính 5.640.411đ, anh S đã thanh toán cho các bị cáo

19. Cho anh Lê Trọng T vay 400.000đ, từ tháng 5/2018 (Số ngày vay 10 ngày) số lãi đã thu 500.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính 447.945, anh T đã thanh toán cho các bị cáo.

21. Cho anh Nguyễn Xuân H vay 9.500.000đ, tháng 5/2018 (Số ngày vay 10 ngày) số lãi đã thu 500.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính 447.945, anh H đã thanh toán cho các bị cáo.

20. Cho anh Lê Quang Th vay 10.000.000đ, tháng 5/2018 (Số ngày vay 10 ngày) số lãi đã thu 900.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính 735.617,

21. Cho anh Đào Công D vay 20.000.000đ, từ ngày 01/12/2017 đến 28/01/2018 (số ngày vay 57 ngày) đã thu lãi 5.700.000đ, trong đó lãi thu lời bất chính lã 5.075.343đ.

22. Cho chị Đặng Thị Lan H vay 1.500.000đ từ ngày 15/9/2017 đến 15/8/2018, (Số ngày vay 330 ngày) số lãi đã thu 1.520.000đ, trong đó tiền thu lời bất chính là 1.248.767đ.

Căn cứ thông tư số 14 ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa các tổ cức tín dụng với khách hàng thì xác định Đào Xuân L và Hà Thị Nh đã cho chị Đới Thị K và 22 người vay tiền với tổng số tiền là 1.538.750.000 đồng với lãi suất từ 109,5% đến 521,4% cao gấp từ 5,47 đến 26,04 lần của mức lãi suất lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 297.595.922 đồng.

Đối với hành vi cho chị Hà Thị H, Nguyễn Thị Ng vay số tiền 180.000.000 đồng với lãi suất cao vào ngày 23/1/2017 của L quá trình điều tra xác định được chị H vay số tiền 110.000.000 đồng, chị Ng vay 70.000.000 đồng. quá trình vay hai chị cùng thanh toán tiền gốc và lãi cho L nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể ngày tháng đã thanh toán nên không có căn cứ xác định mức lãi suất cho vay là bao nhiêu do đó không đủ căn cứ xử lý. đối với một số người có tên trong hai cuốn sổ đã thu giữ, giấy vay tiền và các giấy tờ tùy thân Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh những người có địa chỉ còn những người không rõ địa chỉ đã thông báo đến các địa phương lân cận để liên hệ làm việc nhưng hiện tại không có mặt tại địa phương.

Vật chứng: Ngày 15/02/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã trả lại cho chị K số tiền 133.500.000 đồng, ngày 22/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn đã trả lại cho Hà Minh D 01 đăng ký ôto số 053917 BKS 36C-11296 và 01 giấy chứng nhận kiểm định.

Tiếp tục bảo quản số tiền 136.500.000 đồng tại kho bạc huyện Triệu Sơn chờ xử lý.

Chuyển 01 hộp mực dấu đỏ, 01 điện thoại Sam sung Iphone5 màu trắng, 01 điện thoại di động Samsung A7 màu đen có số Imei: 356825071392955; 01 điện thoại di động Oppo màu vàng đến chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu sơn bảo quản chờ thụ lý.

Đối với một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Hoàng Trọng N và Đào Xuân L, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL594572 mang tên Hoàng Trọng N, 07 giấy tờ vay tiền, 01 tờ giấy hẹn trả nợ, 02 giấy mượn xe, 03 hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sở hữu ôtô, 08 tờ giấy có nội dung vay tiền, 01 quyển sổ bìa màu đỏ bên ngoài có chữ A4 Grand; 01 quyển sổ màu vàng, bên ngoài có chữ sổ kế toán tổng hợp, bên trong có ghi chữ và số có nội dung vay tiền; 01 cuốn sổ của ông Lê Đình T bên trong có nội dung thể hiện việc vay mược tiền; 01 CCCD

số 038202003694 tên Lê Trọng Tùng; 01 CMND số 175001185 tên Lê Kim Cương; 01 CMND số 174240909 tên Mai Văn Tuấn; 01 CMND số 17500716 tên Dương Công Quân; 01 CMND số không rõ, tên Lê Quang Thắng; 01 CMND số không rõ, tên Nguyễn Xuân Hòa; 01 số CMND số không rõ, tên Vũ Trọng Sơn; ; 01 GPLX số AF596752, tên Tô văn Mạnh; 01 Đăng ký moto, xe máy số 360778 BKS 36AA-15987 tên Lê Thị Vân; 01 đăng ký moto, xe máy số 180377 BKS 36B5-08150 tên Lê Duy Thanh được sử dụng làm tài liệu chứng cứ kèm theo hồ sơ,

Đối với 01 xe máy Honda Vision màu xanh biển kiểm soát 36B5-142.22 quá trình điều tra xác minh chiếc xe trên được gắn biển số giả BKS thực tế là 36B5-84070 của anh Nguyễn Thanh L ở thôn 3 Cán Khê, Như Thanh; 01 điện thoại di động Viettel màu đỏ, 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng, 01 điện thoại di động Vivo màu trắng hồng, 01 điện thoại Samsung màu đen; 01 thẻ hạ sĩ quan binh sĩ tại ngũ số 219501705244, mang tên Lưu Đức; 01 CCCD số 038067000141 tên Vũ Trọng Năm ở Minh Châu, Triệu Sơn; 01 CCCD số 038079006725 tên Hoàng Văn Thông ở Minh Châu, Triệu Sơn; 01 CMND số không rõ tên Lê Hữu Cảnh, SN 20/10/1979 ở xã An Nông, huyện Triệu Sơn; 01 CMND số 174240958, tên Lê Thị Hiền, SN 1988 ở An Nông, Triệu Sơn; 01 CMND số 192934403 tên Nguyễn Ngọc Cầu, SN 1989 ở Thọ Bình, Triệu Sơn; 01 CMND số 173548221 tên Lê Thị Mùa, SN 1960 ở Vân Sơn, Triệu Sơn; 01 CMND số không rõ; 01 CMND số 171468927 tên Lê Ích Sáng, SN 1956 ở An Nông, Triệu Sơn; 01 CMND số 171702773 tên Lê Kim Tụ, SN 1977 ở Vân Sơn, Triệu Sơn; 01 CMND số 171899959 tên Lê Quang Tuấn, SN 1980 ở Vân Sơn, Triệu Sơn; 01 CMND số không rõ, tên Đào Huy Võ, 01 CCCD số 038184010033, tên Lê Thị Hương ở Minh Châu, Triệu Sơn; 01 GPLX số AF 667719, tên Lê Văn Dũng SN 1985 ở xã An Nông, Triệu Sơn; 01 đăng ký moto, xe máy số 091617, BKS 36B2-342.02, tên Thiều Thị Thanh, ở Nông Trường , Triệu Sơn; 01 đăng ký moto, xe máy số 0024987, BKS 36H3-1663 tên Lê Thị Phương ở Nông Trường; 01 đăng ký moto ,xe máy số 286270 BKS 36B6-08150 tên Lê THị Hương ở phố Giắt thị trấn triệu sơn; 01 đăng ký moto xe máy số 266163 BKS 36MD-35752 tên Đào Công Dương ở An Nông, Triệu Sơn tất cả giấy tờ vật chứng này liên quan đến hành vi phạm tội cura bị cáo Lâm, Nhung cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng họ đều không có mặt tại địa phương nên tiếp tục bảo quản tại kho vật chứng để tiếp tục xác minh và làm rõ.

Cáo trạng số 65/CT- VKS ngày 15/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn đã truy tố các bị cáo về tội *"Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự (BLHS), tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s,t khoản 1 Điều 51, điều 17, 58, 38 BLHS, để xử phạt bị cáo L từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm

giam, áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58,36 BLHS phạt bị cáo Nh từ 06 đến 09 tháng, cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo;

Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt bổ sung đối với L 30.000.000đ, sung quỹ Nhà nước, đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nh vì hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm, thu nhập ổn định.

Vật chứng đề nghị áp dụng điểm a,b khoản 1,2Điều 47 BLHS và hoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng, 01 điện thoại Sam sung A7 màu đen, 01 điện thoại Oppo màu vàng là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 hộp mực dấu đỏ là công cụ phương tiện phạm tội do không còn giá trị sử dụng

Tịch thu số tiền 136.500.000đ là số tiền các bị cáo cho chị Kim vay, hiện đang tạm gửi tại kho bạc nhà nước huyện Triêu Sơn, sung quỹ Nhà nước.

Truy thu của các bị cáo số tiền 1.342.122.736 đồng trong đó tiền cho vay là 1.312.600.000đ, số lãi 20% là 29.522.736đ sung quỹ nhà nước, được trừ đi số tiền 136.500.000đ, Cơ quan điều tra đã thu giữ, sung quỹ Nhà nước.

Truy thu số tiền 89.650.000đ sung quỹ Nhà nước, cụ thể, truy thu của anh Hoàng Văn L số tiền 9.500.000đ, anh Vũ Trụng Ph 13.500.000đ, anh Hòa Duy V 7.000.000đ, anh Bùi Duy Nh 27.000.000đ, anh Trần Tuấn A 15.000.000đ, anh Lê Quang Th 10.000.000đ, anh Đào Công D 5.700.000đ, chị Đặng Thị Lan H 1.500.000đ; Truy thu của chị Đới Thị K số tiền 14.435.342đ, sung quỹ Nhà nước vì đây là số tiền lãi 20%, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã trả cho chị Kim.

Trả lại 01 CCCD số 03829202003694 cho anh Lê Trọng T, 01 CMND số 17500185 cho anh Lê Kim Cương, 01CMND số 174240909 cho anh Mai Văn T, 01 CMND số 17500716 cho anh Dương Công Q, 01 CMND không rõ cho anh Lê Quang Th, 01 CMND số không rõ cho anh Vũ Trọng S, 01 GPLX số AF596752 cho anh Tô Văn M, 01 đăng ký mô tô, xe máy số 360778, BKS 36 AA 15987 cho chị Lê Thị V, 01 đăng ký mô tô, xe máy số 180377, BKS 36B5-08150 cho anh Lê Duy Th, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL594572 cho anh Hoàng Trọng N.

01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Hoàng Trọng N và bị cáo L, 07 giấy vay tiền, 01 giấy hẹn trả nợ, 02 giấy mượn xe, 03 Hợp đồng mua bán chuyển nhựng quyền sở hữu ô tô, 08 tờ giấy có nội dung vay tiền, 01 cuốn ổ màu đỏ bên ngoài có chữ A4 Goard, bên trong có nội dung thể hiện việc vay mượn tiền, 01 cuôn sổ màu vàng, bê ngoài có chữ kế toán tổng hợp, 01 cuốn sổ do ông Lê Đình T giao nộp, bên trong có nội thể hiện việc vay tiền được sử dụng làm tài liệu chứng cứ trong hồ sơ.

Phần tranh luận: Các cáo nhận tội như cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên không có ý kiến gì đưa ra tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất, chị Đới Thị K, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin tự nguyện giao nộp lại số tiền 14.435.342đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người liên quan, người làm chứng đều không có khiếu nại, tố cáo gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện thể hiện trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội các bị cáo: Xét lời khai nhậ tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, như lời khai của chị Đới Thị K, anh Hoàng Văn L, Lê Quang L, Lê Thanh T,Vũ Trọng Ph, Hoàng Duy V, Bùi Duy Nh, Trần Tuấn A, Lê Quang Tuấn A, Phạm Thanh H, Lê Kim Th, Lê Văn T, Lê Thị B, Đô Văn T, Hà Xuân T, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Quốc V, Nguyễn Tài B, Vũ Trọng S, Lê Trong T, Nguyễn Xuân H,Lê Quang Th, Đào Công D và Đặng Thị Lan H vay với tổng số tiền là 1.538.750.000đ với mức lãi xuất từ 3.000đ/1 triệu 1 ngày đến 6.000đ /1 triệu 1 ngày, tương đương với mức lãi xuất từ 109,5% đến 521,4% so với mức lãi xuất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền các bị cáo thu lời bất chính là 297.595.922 đồng, như vậy Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 15/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu sơn truy tố các bị cáo Đào Xuân L, Hà Thị Nh về tội " *Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Đào Xuân L và Hà Thị Nh đã phạm tội "*cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự"*.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo tuy đơn giản nhưng nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực về tài chính,tín dụng, mà hành vi của các bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế nói chung vì vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, vụ án này có nhiều người tham gia nhưng là đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo L giữ vai trò chính người thực hành tích cực, còn Hà Thị Nh là vợ bị cáo vừa là người thực hành vừa là người

vào sổ sách theo dõi giúp sức cho L.

Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được pháp luật, biết rõ hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, tự đạt ra mức lãi xuất từ 0,3% đến1,43%/ngày (tương đương 365%/năm) cao gấp 5,47% đến 26,04% so với mức lãi xuất cao nhất là 20%/năm được quy định trong bộ luật dân sự, đồng thời thu lời bất chính tổng số tiền 297.595.922 đồng do đó bị các bị cáo bị xét xử theo khoản 2 Điều 201 BLHS.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- Về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, con nhỏ, người liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i,s khoản 1,2 Điều 51 BLHS, bị cáo Lâm thêm tình tiết tại điểm t Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là vợ chồng, con nhỏ nên chỉ cần áp dụng điều 38 BLHS cách ly bị cáo L và áp dụng Điều 36 BLHS cho bị cho bị cáo Nh được cải tạo tại địa phương để có điều kiện nuôi con nhỏ, thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước, trong vụ án này các bị cáo phạm tội đều vì mục đích kinh tế nhưng là vợ chồng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn đinh nên chỉ cần phạt tiền đối với bị cáo L theo quy định tại khoản 3 Điều 201 BLHS, miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nh.

Ý kiến luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về phần tội danh, Điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như mức hình phạt đối với từng bị cáo, và xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về biện pháp tư pháp và vật chứng:

Đối với số tiền gốc các bị cáo cho vay là 1.538.750.000đ, đây là công cụ, phương tiện phạm tội,nên truy thu của các bị cáo sung quỹ Nhà nước, được trừ đi số tiền cơ quan điều tra đã thu giữ và số tiền những người vay chưa trả cho các bị cáo.

Quá trình điều tra đã xác định những người có quyền lợi liên quan đến vụ án đã vay của các bị cáo nhưng chưa trả cho bị cáo, đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên buộc những người có quyền lợi liên quan đến vụ án nộp lại để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: anh Hoàng Văn L phải nộp số tiền 9.500.000đ
Vũ Trọng Ph phải nộp số tiền 13.650.000đ, anh Hoàng Duy V phải nộp số tiền 7.000.000đ, anh Bùi Duy Nh 27.000.000đ, anh Trần Anh T

15.000.000đ, Lê Quang Th phải nộp số tiền 10.000.000đ, anh Đào Công D phải nộp số tiền 5.700.000đ, chị Đặng Thị Lan H phải nộp số tiền 1.500.000đ

Đối với số lãi tương ứng với mức lãi xuất 20%/năm là 44.958.078đ, tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng chống tội pham, tịch thu sung quỹ Nhà nước, được trừ đi số cơ quan điều tra đã thu giao cho chị K là 14.435.342đ.

Đối với số tiền các bị cáo thu lời bất chính là 297.595.922đ, theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 BLDS thì " Trường hợp lãi xuất theo thỏa thuận vượt quá lãi xuất giới hạn được quy định tại khỏan này thì mức lãi xuất vượt quá không có hiệu lực" Do đó khoản tiền lãi tương ứng mức trên 20%/ năm đây là khoản tiền các bị cáo thu lời bất chính của người vay phải hoàn trả lại cho người vay, được trừ đi số tiền cơ quan điều tra đã thu giữ và số tiền truy thu của chị K.

Đối với số tiền 133.500.000đ Cơ quan điều tra thu giữ của các bị cáo và đã giao trả cho chị K, đây là số tiền lãi thu lời bất chính và trong phạm vi 20% = 14.435.342đ, do đó truy thu của chị K số tiền14.435.342đ, sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 136.500.000đ, Cơ qua điều tra thu giữ của bị cáo đang tạm gửi tại kho bạc Nhà nước huyện Triệu Sơn, đây là số tiền thu lời bất chính, sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng là tài liệu chứng cứ thu giữ được có trong hồ sơ đều liên quan đến hành vi phạm tội các bị cáo như giấy tờ quyền sử dụng tài sản căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, đăng ký mô tô của nhưng người liên quan đã xác định được địa chỉ, khi án có hiệu lực pháp luật thì trả lại bản chính cho họ.

Đối với 01 xe máy Honda Vision màu xanh biển kiểm soát 36B5-142.22 quá trình điều tra xác minh chiếc xe trên được gắn biển số giả BKS thực tế là 36B5-84070 của anh Nguyễn Thanh L ở thôn 3 Cán Khê, Như Thanh; 01 điện thoại di động Viettel màu đỏ, 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng, 01 điện thoại di động Vivo màu trắng hồng, 01 điện thoại Samsung màu đen và những giấy tờ tuy thân của những người liên quan chưa xác định được địa chỉ, hiện đang lưu giữ tai kho vật chứng Công an huyện Triệu Sơn, giao Cơ quan công an huyện Triệu Sơn tiếp tục bảo quản, xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Đào Xuân Lâm và Hà Thị Nhung, phạm tội: " *Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự"*

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo, thêm khoản 3 điều 201, Điều 38, điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo L, và điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 36 BLHS cho bị cáo Nh.

Xử phạt: Đào Xuân L 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (14/01/2019 đến ngày 26/4/2019). Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo L 30.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt : Hà Thị Nh 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã AN, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã AN, huyện TS giám sát, giáo dục bị cáo; Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã AN nơi bị cáo cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106, Điều 136,333, khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo phải trả lại số tiền thu lời bất chính là 178.995.264đ cho những người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan, cụ thể trả cho: Trả cho anh Hoàng Văn L 12.094.521đ, anh Lê Quang L 2.652.055đ, anh Lê Thanh T 3.367.123đ, anh Vũ Trọng Ph 8.629.726đ, anh Hoàng Duy Văn 1.026.027,anh Bùi Duy Nh 19.333.296đ,anh Trần Anh T 6.626.548đ, anh Lê Quang Tuấn A 21.431.507đ, anh Phạm Thanh H 9.864110đ,anh Lê Kim Th 183.562đ, anh Lê Văn T 9.541.370đ, bà Lê Thị B 2.251.133đ, anh Đô Văn T 2.754.973đ, anh Hà Xuân T 234.247đ, anh Nguyễn Thanh T 46.906. 027đ, anh Nguyễn Quốc V 6.859.726đ, anh Nguyễn Tài B 5.640411đ, anh Vũ Trọng S 11.539.726đ, anh Lê Trọng T 93.525đ, anh Nguyễn Xuân H 447.945đ, anh Lê Quang Th 735.617đ, anh Đào Công D 5.075343đ, chị Đặng Thị Lan H 1.248.767đ, sung công quỹ Nhà nước số tiền 136.500.000đ hiện đang lưu giữ tại kho bạc Nhà nước huyện Triệu Sơn.

Truy thu của các bị cáo L và Nh số tiền 1.312.620.000đ (tiền gốc) và 44.958.078đ (tiền lãi) sung quỹ Nhà nước, Tổng hai khoản là 1.357.578.078đ *(một tỷ, ba trăm mười hai triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm bảy tám đồng)*

Truy thu của anh Hoàng Văn L số tiền 9.500.000đ, Vũ Trọng Ph số tiền13.650.000đ,Hoàng Duy V số tiền 7.000.000đ, Bùi Duy Nh 27.000.000đ, Trần Anh T 15.000.000đ, Lê Quang Th số tiền 10.000.000đ
Đào Công D số tiền 5.700.000đ, chi Đặng Thị Lan H 1.500.000đ (tổng cộng 89.350.000đ) Sung quỹ nhà nước.

Truy thu của chị Đới Thị K số tiền 14.435.342đ sung quỹ Nhà nước

Trả lại cho anh Hoàng Trong N ở xã Xuân Khang huyện Như Thanh, 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL594572; cho anh Lê Trọng T ở xã Vân Sơn huyện Triệu Sơn 01 CCCD số 038202003694; 01 CMND số 175001185 cho anh Lê Kim Ch ở xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn; 01 CMND số 174240909 cho anh Mai Văn T, ở xã An Nông, huyện Triệu Sơn; 01 CMND số 17500716 cho anh Dương Công Q, ở xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn; 01 CMND số không rõ số, cho anh Lê Quang Th; ở xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn; 01CMND số không rõ, cho anh Nguyễn Xuân H; 01 CMND số không rõ số, cho anh Vũ Trọng S đều ở xã Thái Hòa,

huyện Triệu Sơn; 01 GPLX số AF596752, cho anh Tô Văn M ở thị trấn Triệu Sơn; 01 Đăng ký moto, xe máy số 360778 BKS 36AA-15987 cho bà Lê Thị V; 01 đăng ký moto, xe máy số 180377 BKS 36B5-08150 cho anh Lê Duy Th đều ở xã Vân Sơn huyện Triệu Sơn.

Tịch thu của các bị cáo 01 điện thoại Samsung A7 màu đen có số Imei: 356825071392955; 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng cso số máy 073722000707814; 01 điện thoại Oppo màu vàng, phát mại sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe máy Honda Vision màu xanh biển kiểm soát 36B5-142.22 quá trình điều tra xác minh chiếc xe trên được gắn biển số giả BKS thực tế là 36B5-84070 của anh Nguyễn Thanh L ở thôn 3 Cán Khê, Như Thanh; 01 điện thoại di động Viettel màu đỏ, 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng, 01 điện thoại di động Vivo màu trắng hồng, 01 điện thoại Samsung màu đen; và các giấy tờ tuy thân chưa xác định rõ chủ sở hữu, giao Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Triệu Sơn tiếp tục bảo tại kho vật chứng Công an, để xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật

Án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo, người liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
-VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- Bị cáo, người liên quan;
-Lưu hồ sơ VA,THA.

Lê Đình Hợp